

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-PT
Ngày 30-7-2018
V/v Kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Ông Hoàng Đức Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Huy - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Phòng xét xử dân sự của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-DS ngày 08-5-2018 về việc "*Kiện xin ly hôn*".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 26-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐ-PT ngày 22-6-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1984. Địa chỉ số nhà 28, đường Phạm Ngọc T, tổ 7, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị Hoài Trang, sinh năm 1987. Địa chỉ số nhà 28, đường Phạm Ngọc T, tổ 7, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú hiện nay xóm T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Quang K là nguyên đơn trong vụ kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02-10-2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Quang K trình bày: Anh và chị Đoàn Thị Hoài T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Từ năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều điều bất đồng trong cuộc sống, không cùng quan điểm và không

hòa thuận với nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh K xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang T và cháu Nguyễn Quang Đ cùng sinh ngày 23-8-2011 (sinh đôi), nguyện vọng của anh K là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu T và Đ cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14-10-2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Đoàn Thị Hoài T trình bày: Chị T xác nhận nội dung trình bày của anh K về thời điểm đăng ký kết hôn, con chung, thời điểm phát sinh mâu thuẫn là đúng; về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị T là do hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, bất đồng quan điểm, anh K có quan hệ ngoại tình không quan tâm đến vợ con nên T chị nhất trí ly hôn với anh K; về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu T và Đ cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản và công nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 26-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố H đã Quyết định:

Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang K được ly hôn với chị Đoàn Thị Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 23-8-2011 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 23-8-2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28-3-2018 nguyên đơn anh Nguyễn Quang K có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung giao cháu Nguyễn Quang Đ cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 23-8-2011

cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và và yêu cầu chị Đoàn Thị Hoài T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn anh Nguyễn Quang K giữ nguyên kháng cáo và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh K là hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo: Việc anh K đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Quang T, Nguyễn Quang Đ và đề nghị chị T phải chu cấp tiền nuôi con là không hợp lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 26-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Về án phí: Anh K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các bên đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn quy định bị đơn anh Nguyễn Quang K kháng cáo, nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Trong đơn kháng cáo đề ngày 28-3-2018 và tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Quang K giữ nguyên quan điểm của mình là không nhất trí giao cháu Nguyễn Quang Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục với lý do chị T không có nguồn thu nhập ổn định để nuôi dưỡng cháu Đ.

Xét kháng cáo của anh K, trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định quá trình chung sống vợ chồng anh K, chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Quang T và cháu Nguyễn Quang Đ, cùng sinh ngày 23-8-2011. Hiện nay, cháu T đang ở với gia đình bố mẹ của anh K tại tổ 7, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang (số bút lục 25, 80), anh K có nghề nghiệp là giáo viên hiện đang công tác tại Trung tâm giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh Hà Giang có mức thu nhập hàng tháng từ lương là 3.248.850 đồng (số bút lục 38, 39). Anh K xác nhận là hiện nay tạm trú, thuê nhà tại tổ 9, phường N, thành phố H để kinh doanh ăn uống (số bút lục 68, 70, 71).

Về phía chị T, sau khi ly hôn chị T và cháu Đ đã chuyển về ở cùng với gia đình bố mẹ chị T tại xóm T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (số bút lục 92),

chị T đang làm việc tại trường mầm non tư thục S có thu nhập từ lương là 3.000.000 đồng/tháng (số bút lục 94, 95, 96), còn cháu Đ đã chuyển về học tập tại Trường tiểu học C.

Từ các căn cứ trên, xét về điều kiện, hoàn cảnh thực tế của anh K, chị T thì cả hai bên đều có chỗ ở, có công việc mức thu nhập hàng tháng ổn định, đủ điều kiện để đáp ứng được các nhu cầu học tập, sinh hoạt và phát triển bình thường của cháu T, cháu Đ, việc Tòa án nhân dân thành phố H tuyên giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 23-8-2011 cho anh K và giao cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 23-8-2011 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quang K, giữ nguyên phần giao con chung của Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 26-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[4] Về án phí: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Khuê phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Quang K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 26-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang K được ly hôn với chị Đoàn Thị Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 23-8-2011 cho anh Nguyễn Quang K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 23-8-2011 cho chị Đoàn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quang K, chị Đoàn Thị Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi

con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí

Anh Nguyễn Quang K phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà anh K đã nộp theo biên lai số BB/2013/00541 ngày 04-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Anh Nguyễn Quang K phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh K đã nộp theo biên lai thu số BB/2013/00765 ngày 12-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Anh Nguyễn Quang K đã nộp đủ án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;
- UBND phường M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường